TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX THÀNH PHỐ** **HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:258/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày* 28*tháng*5 *năm* 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số116/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông NHC; Sinh năm 1977; giấy chứng minh nhân dân số 012532495 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08.09.2010; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 48 ngõ 332 Tổ 33 đường NT, quận TX, thành phố Hà Nội.

2.Bị đơn: Bà NTO, sinh năm 1973; giấy chứng minh nhân dân số 012720761; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 48 ngõ 332 Tổ 33 đường NT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày20tháng5năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày20 tháng5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1. Nguyên đơn: Ông NHC; Sinh năm 1977; giấy chứng minh nhân dân số 012532495 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08.09.2010; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 48 ngõ 332 Tổ 33 đường NT, quận TX, thành phố Hà Nội.

2.Bị đơn: Bà NTO, sinh năm 1973; giấy chứng minh nhân dân số 012720761; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 48 ngõ 332 Tổ 33 đường NT, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông NHCvà bà NTOthuận tình ly hôn.

2.2. Về giao nuôi con:

Bà NTO và ông NHC có hai con chung:

NMA, sinh ngày 14.8.2000

NHBA, sinh ngày 20.3.2006.

Giao con chung NHBA, sinh ngày 20.3.2006 cho bà NTO trực tiếp nuôi dưỡng, ông NHC cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2020.

Cháu NMA đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

2.3. Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Ông NHC và bà NTOkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông NHC chịu toàn bộ án phí ly hôn, án phí giao nuôi con bao gồm cả phần của bà NTOphải chịu, tổng án phí của vụ án là 150.000 đồng,được trừ vào số tiền tạm ứng ánphí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0006889ngày 26.02.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- UBND nơi đăngký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).